

Số: /BC-PTNT

Ninh Bình, ngày tháng năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông Và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử Quý II năm 2022**

Thực hiện văn bản số 1008/SNN-VP ngày 13/5/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý II năm 2022, Chi cục Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện tại đơn vị, nội dung cụ thể như sau:

**1. Kết quả kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý II năm 2022.**

Số TTHC được công bố công khai tại cổng thông tin điện tử Tỉnh: 08

*(Chi tiết tại các biểu kèm theo)*

**2. Kết quả quý II năm 2022 về tình hình triển khai thực hiện nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 1946/KH-SNN ngày 03/12/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT.**

#### **2.1. Xây dựng quy trình nội bộ**

Tất cả 08 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được chi cục xây dựng thành quy trình xử lý công việc theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

**2.2. Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa, danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh**

08 TTHC của đơn vị phụ trách đã niêm yết công khai đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và kịp thời các quy định TTHC, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết TTHC nắm rõ trình tự, thủ tục giải quyết; đăng tải đầy đủ thông tin về các thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Ninh Bình, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT và tại trụ sở cơ quan.

Tổng số TTHC đơn vị đã niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT: 08 TTHC.

**3. Kết quả đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông Quý II năm 2022 theo các mẫu phiếu tại Công văn số 1640/SNN-VP ngày 03/9/2019 và Công văn số 96/SNN-VP ngày 15/1/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT.**

*(Chi tiết tại các biểu kèm theo)*

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm soát thủ tục hành chính và kết quả thực hiện cơ chế một cửa quý II năm 2022. Chi cục Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu VT, HCTH.  
PTH

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Phạm Văn Trung**





Biểu số  
II.03b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI CHI CỤC PTNT**

**Kỳ báo cáo: Quý II năm 2022**  
(Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/6/2022)

- Đơn vị báo cáo:  
Chi cục PTNT  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
Sở Nông nghiệp và PTNT  
Đơn vị tính: TTHC, VB.

**I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG**

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Chi cục PTNT	0	11	08	08			08	0	08
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>08</b>	<b>08</b>			<b>08</b>	<b>0</b>	<b>08</b>









Biểu số  
II.06a/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI CHI CỤC PTNT

Kỳ báo cáo: Quý II năm 2022  
(Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/6/2022)

- Đơn vị báo cáo:

Chi cục PTNT

- Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Nông nghiệp và PTNT

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận			Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)
1	Kinh tế hợp tác và PTNT	01	0	0	01	01	01	0	0	0	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>01</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Biểu số  
II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT  
QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA  
TẠI CHI CỤC PTNT**

**Kỳ báo cáo: Quý II năm 2022**  
(Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/6/2022)

- Đơn vị báo cáo:  
Chi cục PTNT  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
Sở Nông nghiệp và PTNT

Đơn vị tính: TTHC, %

**I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (quản lý) của				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp Xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+ (13)+(14)	(12)	(13)	(14)
1	Kinh tế hợp tác và PTNT	07	07	0	0	07	07	0	0	07	07	0	0
2	Phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	01	01	0	0	01	01	0	0	01	01	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>08</b>	<b>08</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>08</b>	<b>08</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>08</b>	<b>08</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN**

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Kinh tế hợp tác và PTNT	0			
2	Phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	0			
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>0</b>			

Kỳ báo cáo: Quý II năm 2022

(Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/6/2022)

- Đơn vị báo cáo:

Chi cục PTNT

- Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Nông nghiệp và PTNT

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>							
1	Kinh tế hợp tác và PTNT	04	04	01	03	03	0	
2	Phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	01	01	0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>							
1	Lĩnh vực							
<b>III</b>	<b>CẤP XÃ</b>							
1	Lĩnh vực							

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG QUÝ II**

**Mẫu số 01**

**ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

*(Thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính)*

Mã hồ sơ: 1.003695.000.00.00.H42

STT	Các chỉ số đánh giá việc giải quyết TTHC	Điểm chuẩn	Kết quả chấm điểm đối với CBCCVC	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chỉ số 1:</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với thời gian cho phép theo quy định của pháp luật</b>			
<b>a)</b>	Khi tổng thời gian ngắn hơn so với quy định	2	2	
<b>b)</b>	Khi tổng thời gian bằng thời gian quy định	1		
<b>c)</b>	Khi tổng thời gian dài hơn so với quy định	0		
<b>2</b>	<b>Chỉ số 2:</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết (kể cả đơn vị phối hợp) so với quy định</b>			
<b>a)</b>	Khi cơ quan, đơn vị xử lý ngắn hơn so với thời hạn quy định	2	2	
<b>b)</b>	Khi cơ quan, đơn vị xử lý bằng so với thời hạn quy định	1		
<b>c)</b>	Khi cơ quan, đơn vị xử lý dài hơn so với thời hạn quy định	0		
<b>3</b>	<b>Chỉ số 3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Số lần phải liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)</b>			
<b>a)</b>	Khi không phải liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính lần nào để hoàn thiện hồ sơ	2	2	
<b>b)</b>	Khi chỉ phải một lần liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính để hoàn thiện hồ sơ	1		
<b>c)</b>	Khi phải hơn một lần liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính để hoàn thiện hồ sơ, trừ trường hợp nguyên nhân do lỗi của người nộp hồ sơ	0		
<b>4</b>	<b>Chỉ số 4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)</b>			

STT	Các chỉ số đánh giá việc giải quyết TTHC	Điểm chuẩn	Kết quả chấm điểm đối với CBCCVC	Ghi chú
a)	Khi không phải liên hệ với cơ quan, đơn vị, tổ chức nào để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính	2	2	
b)	Khi phải liên hệ với một cơ quan, đơn vị, tổ chức là Bộ phận Một cửa để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính. Trường hợp theo quy định pháp luật, tổ chức, cá nhân phải trực tiếp tham gia và hoàn thiện hồ sơ giải quyết theo kết quả kiểm tra, xác minh thực địa, họp Hội đồng thẩm định, thẩm tra trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, thì số lượng được cộng thêm cơ quan, đơn vị, tổ chức được pháp luật giao chủ trì kiểm tra, xác minh thực địa, tổ chức Hội đồng thẩm định, thẩm tra	1		
c)	Khi phải liên hệ với hơn một cơ quan, đơn vị, tổ chức	0		
<b>5</b>	<b>Chỉ số 7</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính</b>			
a)	Khi tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ sớm hơn thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật.	2	2	
b)	Khi tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ đúng thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật.	1		
c)	Khi có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật. Trường hợp phản ánh, kiến nghị được cơ quan có thẩm quyền xác minh, kết luận là không đúng hoặc vu cáo thì không được tính vào đánh giá này.	0		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>10</b>	

**Mẫu số 02****ĐỐI VỚI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

(Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính và xác định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị)

Mã hồ sơ: 000.00.02.H42-220208-0001

<b>STT</b>	<b>Các chỉ số đánh giá việc giải quyết TTHC</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Kết quả chấm điểm đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Chỉ số 5</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Thực hiện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa</b>			
<b>a)</b>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả đối với tối thiểu 20% số lượng thủ tục hành chính theo danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;	2	2	
<b>b)</b>	Khi 100% thủ tục hành chính không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp	1		
<b>c)</b>	Khi dưới 100% thủ tục hành chính không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp	0		
<b>2</b>	<b>Chỉ số 6</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Công khai các thủ tục hành chính</b>			
<b>a)</b>	Khi thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận Một cửa được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng cả hình thức niêm yết và điện tử theo đúng quy định pháp luật về công khai thủ tục hành chính	2	2	
<b>b)</b>	Khi thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận Một cửa được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng hình thức niêm yết hoặc điện tử theo đúng quy định pháp luật về công khai thủ tục hành chính.	1		
<b>c)</b>	Khi thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận Một cửa không được công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời	0		

STT	Các chỉ số đánh giá việc giải quyết TTTC	Điểm chuẩn	Kết quả chấm điểm đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức	Ghi chú
<b>3</b>	<b>Chỉ số 8</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân</b>			
<i>a)</i>	Khi không có phản ánh, kiến nghị hoặc 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài.	2	2	
<i>b)</i>	Khi tối thiểu từ 90% phản ánh, kiến nghị trở lên được xử lý đúng thời hạn theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài.	1		
<i>c)</i>	Khi dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời hạn theo quy định hoặc có phản ánh, kiến nghị kéo dài.	0		
<b>4</b>	<b>Chỉ số 9</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	
	<b>Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền</b>			
<i>a)</i>	Khi tối thiểu 20% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30%; và không có hồ sơ trực tuyến nào không giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	2	2	
<i>b)</i>	Khi có triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 15% đến dưới 30% và không có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn.	1		
<i>c)</i>	Khi không triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hoặc tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt dưới 15% hoặc có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn.	0		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8</b>	



**Mẫu số 03**  
**Mẫu tổng hợp kết quả đánh giá giải quyết TTHC của từng cán bộ, công chức**

STT	Tên hồ sơ	Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 4	Chỉ số 7
1	1.003695.000.00.00.H42	2	2	2	2	2
	Số điểm đạt được của từng chỉ số	2	2	2	2	2

**Tổng số điểm các chỉ số: 10**

**Xếp loại cán bộ, công chức:** Hoàn thành 100% nhiệm vụ

*Ghi chú: Cán bộ, công chức hoàn thành 100% nhiệm vụ khi có số điểm tối thiểu đánh giá từ 5 trở lên; hoàn thành từ 70% đến dưới 100% nhiệm vụ khi có số điểm đánh giá từ 3,5 đến dưới 5 điểm; hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ khi số điểm đánh giá dưới 3,5 điểm.*

**Mẫu số 04**  
**Mẫu tổng hợp kết quả đánh giá của cơ quan, đơn vị**

<b>STT</b>	<b>Tên hồ sơ TTHC</b>	<b>Chỉ số 1</b>	<b>Chỉ số 2</b>	<b>Chỉ số 3</b>	<b>Chỉ số 4</b>	<b>Chỉ số 5</b>	<b>Chỉ số 6</b>	<b>Chỉ số 7</b>	<b>Chỉ số 8</b>	<b>Chỉ số 9</b>
1	1.003695.000.00.00.H42	2	2	2	2	2	2	2	2	2
	<b>Tổng điểm</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	Điểm trung bình các chỉ số	2	2	2	2	2	2	2	2	2

**Tổng số điểm các chỉ số của cơ quan, đơn vị: 18**

**Xếp loại cơ quan, đơn vị: Xuất sắc**

**Mẫu số 05**  
**Mẫu đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức**

STT	Tên cán bộ, công chức	Điểm đánh giá	Xếp loại		
			Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% nhiệm vụ	Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ
1	Phạm Văn Trung	10	100%		
2	Bùi Văn Tiến	10	100%		
3	Nguyễn Thị Thanh Hảo	10	100%		

Tỷ lệ (%) cán bộ công chức: Hoàn thành 100% nhiệm vụ; Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% nhiệm vụ ; Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ.

**Mẫu số 06**  
**Mẫu đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức**

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Xếp loại cơ quan, đơn vị ( <i>xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu</i> )	Tỷ lệ cán bộ, công chức		
			Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% nhiệm vụ	Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ
1	Chi cục Phát triển nông thôn Ninh Bình	Xuất sắc	100%		

*Ghi chú: Trên cơ sở tổng hợp kết quả theo Mẫu số 06, các đơn vị báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT kết quả đánh giá, các giải pháp khắc phục tồn tại, bất cập và đề xuất khen thưởng, kỷ luật (nếu có).*